

Bản án số: **19/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 05-5-2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Kiệt
2. Ông Trần Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Ông Trần Ngọc Nhiều – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2022/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị G, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện U Minh Th, Kiên Gi (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh T1, xã Hòa C, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên Gi (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Bùi Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Bà Bùi Thị G và ông Nguyễn Thành V (sau đây gọi tắt là bà G, ông V) được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1999 nhưng đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã Vĩnh H, huyện Vĩnh Thuận (nay thuộc huyện U

Minh Th), tỉnh Kiên Gi ngày 17/11/2003. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không hợp. Ông V không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu, tự quản lý tài sản riêng trong khi bà G đang nuôi con ăn học rất khó khăn về kinh tế. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không thành nên vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, bà G yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà G, ông V có 02 người con chung Nguyễn Thị Cẩm Diên, sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Cẩm Dương, sinh ngày 08/3/2011, hiện đang sống với bà G. Vợ chồng ly hôn con chung Cẩm Dương theo cha hay mẹ do con quyết định, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con theo bà G thì bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai ngày 20/02/2023 của cháu Nguyễn Thị Cẩm Dương có nguyện vọng được sống với bà G khi cha mẹ ly hôn.

Về chia tài sản chung: Bà G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn ông Nguyễn Thành V được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông không đến Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của phía nguyên đơn bà G.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà G yêu cầu được ly hôn với ông V, vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, không hợp vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Nhiều lần bà G đã nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án, bà nhiều lần khuyên ông V sửa đổi nhưng ông không thay đổi nên vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay không có liên lạc.

Về con chung: Bà G, ông V có 02 người con chung Nguyễn Thị Cẩm Diên, sinh năm 2000 (đã trưởng thành, không yêu cầu) và Nguyễn Thị Cẩm Dương. Vợ chồng ly hôn con chung Cẩm Dương theo cha hay mẹ do con quyết định, con theo ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con theo bà G thì bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu; nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho bà G được ly hôn với ông V; giao con chung Nguyễn Thị Cẩm Dương cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà G không yêu cầu; tài sản chung tự thỏa thuận; nợ không có, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX, nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Thành V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị G. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Thành V.

[2]. *Về hôn nhân:* Hôn nhân của bà G và ông V là hợp pháp, lý do bà G xin ly hôn xuất phát từ việc làm ăn kinh tế của gia đình, làm ăn thua lỗ, ông V tự quản lý tiền riêng, mọi việc gia đình ông tự quyết định không có bàn bạc với bà G, dẫn đến vợ chồng xảy ra cự cãi từ năm 2019. Khi gặp khó khăn ông V không chăm lo gia đình mà thường xuyên đi bỏ nhà, tụ tập bạn bè uống rượu, để lại các con cho bà G nuôi dưỡng, trong khi các con đang tuổi ăn, học rất cần sự chăm sóc của ông V.

Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2023 của cụ Võ Thị Út (mẹ ông V), nhận thấy thời gian chung sống bà nhiều lần chứng kiến vợ chồng bà G, ông V xảy ra cự cãi và cụ có hàn gắn nhưng không thành, hiện bà G, ông V ly thân từ năm 2020 đến nay. Tình trạng hôn nhân của bà G, ông V cũng được chính quyền địa phương và UBND xã Hòa C, huyện U Minh Th xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa HĐXX đã phân tích, động viên hàn gắn nhưng bà G kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà G, ông V không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho bà G được ly hôn với ông V.

[3]. *Về con chung:* Bà G, ông V có 02 người con chung Nguyễn Thị Cẩm Diên, sinh năm 2000 (trưởng thành), còn lại Nguyễn Thị Cẩm Dương. Tại bản tự khai ngày 20/02/2022 của cháu Dương có nguyện vọng được sống với bà G khi cha mẹ ly hôn. HĐXX nhận thấy: Hiện cháu Dương đang sống với bà G và

được bà chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng tốt, cháu đang đi học và đã thích nghi với môi trường sống bên bà G và bạn bè, thiết nghĩ giao con chung Cẩm Dương cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu.

[4]. *Về tài sản chung*: Vợ chồng bà G, ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Bà G, ông V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

[5]. *Về án phí*: Bà Bùi Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003439 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên Gi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Bùi Thị G và ông Nguyễn Thành V.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Cẩm Dương, sinh ngày 08/3/2011 (hiện đang sống với bà G) cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà G không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thành V có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà G, ông V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Nợ chung: Bà G, ông V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Bùi Thị G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 0003439 ngày 11/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Th, tỉnh Kiên Gi.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND H.U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS H. U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng